

Số: 222/2020/QĐST- HNGĐ

Bình Đại, ngày 10 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 305/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Cao Thị Thu T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- **Bị đơn**: Anh Trần Văn P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Cao Thị Thu T với anh Trần Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Thu T và anh Trần Văn P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Văn P đồng ý để chị Cao Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Cao Như N, sinh ngày 26/12/2014. Anh Trần Văn P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Cao Thị Thu T hằng tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Ngày 10/7/2020) cho đến khi con chung đã thành niên (Đủ 18 tuổi).

Anh Trần Văn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Cao Thị Thu T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phát trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ghi nhận chị Cao Thị Thu T và anh Trần Văn P thỏa thuận phân chia tài sản chung: Chị T được trọn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 12, diện tích 169,7 m², tọa lạc tại ấp 2, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre do chị Cao Thị Thu T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/10/2017.

Chị T được trọn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất nêu trên, chị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh P số tiền tài sản chung được chia bằng giá trị là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), trả làm 01 lần vào ngày 02/7/2021 là hoàn tất.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ngày anh Trần Văn P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Cao Thị Thu T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về nợ chung: Các chủ nợ gồm: Anh Phạm Văn H, chị Cao Thị Thu D có đơn không yêu cầu giải quyết nợ trong cùng vụ án ly hôn giữa chị T và anh P, để các bên tự thỏa thuận, nên Tòa án không xét đến.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Chị Cao Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ theo luật định số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh P phải chịu theo luật định số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (Đối với phần tài sản chung tự thỏa thuận phân chia): Chị Cao Thị Thu T và anh Trần Văn P mỗi người phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Vậy, tổng số tiền án phí mà chị Cao Thị Thu T phải chịu là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000744 ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng)

Tổng số tiền án phí mà anh Trần Văn P phải chịu là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại
- UBND xã B (Quyền số 04/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương